

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2019/HNGĐ - ST
Ngày 22-8-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Chang

Các Hội thẩm nhân nhân:

Bà Phan Thị Ngọc Mai;

Ông Hồ Doãn Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Phúc Vĩnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 197/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Ngọc D, sinh năm 1977; Có mặt

Địa chỉ: Tổ a, ấp b, xã C, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

Chỗ ở hiện nay: Tổ d, ấp e, xã C, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Tổ a, ấp b, xã C, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

Chỗ ở hiện nay: Tổ d, ấp e, xã C, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Ngọc D trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn Ch chung sống với nhau từ năm 1999 và có đăng ký kết hôn vào ngày 20/7/2000 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà D và ông Ch sống chung và đăng ký kết hôn là do hai

bên hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Thời gian từ năm 1999 đến năm 2007 cuộc sống vợ chồng bà hạnh phúc. Từ năm 2008, vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không còn tin tưởng lẫn nhau. Ông Ch nhiều lần đánh bà, bà đã trình báo lên công an xã C, huyện Phú Giáo để giải quyết. Hiện nay, vợ chồng bà đã sống ly thân. Vợ chồng bà không thể sống chung với nhau được nữa, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà D yêu cầu được ly hôn với ông Ch.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà D và ông Ch có 02 con chung là Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 08/6/2000 và Nguyễn Lê Mỹ T, sinh ngày 27/02/2006. Con chung Nguyễn Mạnh C đã thành niên, bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà D yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Lê Mỹ T và không yêu cầu ông Ch phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình chung sống, bà và ông Ch có tạo lập được tài sản chung, đồng thời cũng có vay nợ chung. Ông Ch trình bày về khối tài sản chung, nợ chung của vợ chồng bà là chưa đúng và chưa đủ. Tuy nhiên, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên bà không đưa ra ý kiến về phần tài sản chung, nợ chung. Vợ chồng bà sẽ tự thỏa thuận với nhau về việc phân chia tài sản chung, nợ chung.

- Tại bản tự khai và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn Ch trình bày như sau:

Về hôn nhân: Ông và bà Lê Ngọc D sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2000 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Việc sống chung là do ông bà tự nguyện, không có ai ép buộc. Cuộc sống vợ chồng ông hạnh phúc nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng ông có nhiều điểm không hợp nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Trong lúc vợ chồng cãi nhau, ông không kiềm chế được nên có đánh bà D và bị công an xã C, huyện Phú Giáo mời lên làm việc và xử phạt hành chính số tiền 750.000đ. Từ khi bị xử phạt, ông đã sửa đổi bản thân, cố gắng hàn gắn mâu thuẫn để cho cuộc sống gia đình tốt hơn nhưng không hòa hợp được. Khi bà D nộp đơn lên Tòa án, ông đã được Tòa án mời lên làm việc nhiều lần nhưng ông không lên là vì ông không muốn ly hôn và để hàn gắn mâu thuẫn gia đình. Hiện vợ chồng ông không còn yêu thương lẫn nhau và đã sống ly thân. Nay mâu thuẫn vợ chồng ông đã trầm trọng, bà D vẫn kiên quyết yêu cầu được ly hôn với ông thì ông đồng ý ly hôn với bà D.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông Ch và bà D có 02 con chung là Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 08/6/2000 và Nguyễn Lê Mỹ T, sinh ngày 27/02/2006. Con chung Nguyễn Mạnh C đã thành niên và hiện đang đi học Cao đẳng, ông Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con chung Nguyễn Lê Mỹ T đã lớn nên ông tôn trọng quyết định của con muốn sống cùng bà D, ông đồng ý để bà D trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Lê Mỹ T. Bà D không yêu cầu ông cấp dưỡng nuôi con nhưng ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ đến khi con đủ 18 tuổi. Ông đề nghị Tòa án buộc bà D phải đảm bảo quyền thăm nom con của ông đối với cháu Tiên.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống, ông và bà D tạo lập được những tài sản chung sau: Thứ nhất, Quyền sử dụng đất có diện tích khoảng 2000m², tọa lạc tại Tổ a, ấp b, xã C, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương, được Ủy ban nhân dân huyện Phú Giáo cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Lê Ngọc D. Trên đất có 01 căn nhà được xây dựng từ năm 2006. Nguồn gốc nhà, đất do vợ chồng ông tạo lập mà có. Thứ hai, phần đất có diện tích khoảng 60m², tọa lạc tại thị trấn U, thị xã Tân Uyên,

tỉnh Bình Dương, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Lê Ngọc D. Trên đất có 01 căn nhà được xây dựng từ năm 2008. Nguồn gốc nhà, đất là do vợ chồng ông tạo lập mà có. Ông Ch đã được Tòa án giải thích về quyền yêu cầu phân chia tài sản chung trong cùng vụ án này nhưng do ông chưa có tiền nộp tạm ứng án phí nên đến ngày 19/8/2019 ông mới có bản tự khai yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng ông có vay nợ của ông Nguyễn Văn Vén, thường trú tại xã T, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 03 cây vàng 9999, tính giá trị thành tiền là 120.000.000đ. Ngày 19/8/2019, ông Ch có yêu cầu Tòa án phân chia nợ chung của ông và bà D khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử (HĐXX) thực hiện khai mạc phiên tòa, phân thủ tục, phần tranh tụng đều đảm bảo đúng pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân: Bà Lê Ngọc D và ông Nguyễn Văn Ch đăng ký kết hôn vào ngày 20/7/2000 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn nên bà D nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Ch. Bị đơn thừa nhận vợ chồng ông có xảy ra mâu thuẫn, không thể hàn gắn, đoàn tụ gia đình được nên ông đồng ý ly hôn với nguyên đơn. Tại biên bản xác minh địa phương xác nhận bà D và ông Ch có xảy ra mâu thuẫn, ông Ch có hành vi đánh bà D và bị xử phạt hành chính số tiền 750.000đ. Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn, bị đơn đồng ý. Do đó, đề nghị HĐXX công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Ngọc D và ông Nguyễn Văn Ch. Về con chung: Bà D và ông Ch có 02 con chung là Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 08/6/2000 và Nguyễn Lê Mỹ T, sinh ngày 27/02/2006. Con chung Nguyễn Mạnh C, đã thành niên, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Viện kiểm sát không đề cập đến. Con chung Nguyễn Lê Mỹ T, sinh ngày 27/02/2006 hiện đang sống cùng nguyên đơn và cháu Tiên có nguyện vọng được sống cùng nguyên đơn. Nguyên đơn yêu cầu trực tiếp nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn đồng ý để nguyên đơn nuôi con và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ. Vì vậy, đề nghị HĐXX công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con, cụ thể: Giao con chung Nguyễn Lê Mỹ T, sinh ngày 27/02/2006 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của ông Ch về cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn có yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, nợ chung, đề nghị HĐXX hướng dẫn bị đơn để được giải quyết bằng một vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Ngọc D có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn Ch và tranh chấp về người trực tiếp nuôi con chung nên đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn hiện cư trú tại xã C, huyện Phú Giáo,

tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Nguyên đơn bà Lê Ngọc D và bị đơn ông Nguyễn Văn Ch tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 20/7/2000 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 33, quyển số 01/2000 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà D và ông Ch đủ điều kiện kết hôn theo Điều 8 và có đăng ký kết hôn theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và hiện nay đã sống ly thân. Tại phiên tòa, bà D và ông Ch đồng ý ly hôn. HĐXX xét thấy nguyên đơn và bị đơn không hòa giải được mâu thuẫn vợ chồng, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Các đương sự đồng ý ly hôn nên HĐXX ghi nhận sự thuận tình ly hôn.

[3] Về con chung: Căn cứ vào lời khai của bà D, ông Ch và Giấy khai sinh do nguyên đơn cung cấp thì có căn cứ xác định bà D và ông Ch có 02 con chung là Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 08/6/2000 theo Trích lục khai sinh (bản sao), đăng ký khai sinh ngày 08/8/2000 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh và Nguyễn Lê Mỹ T, sinh ngày 27/02/2006 theo Giấy khai sinh đăng ký ngày 28/6/2006, số 216/2006, quyển số 02/2006 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Con chung Nguyễn Mạnh C đã thành niên, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết. Bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Lê Mỹ T, sinh ngày 27/02/2006, bà không yêu cầu ông Ch cấp dưỡng nuôi con. Cháu T có nguyện vọng được sống cùng với mẹ và hiện tại cháu đang sống ổn định cùng với bà D. Ông Ch tôn trọng nguyện vọng của cháu Tiên và đồng ý để bà D trực tiếp nuôi con Nguyễn Lê Mỹ T. Đồng thời, ông Ch tự nguyện cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Lê Mỹ T mỗi tháng 1.000.000đ đến khi con đủ 18 tuổi. Do đó, để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của cháu Nguyễn Lê Mỹ T, căn cứ vào các Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận của bà D và ông Ch về người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, bà D được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Lê Mỹ T. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Ch về cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ. Đối với yêu cầu của ông Ch về việc đảm bảo quyền thăm nom con của ông sau ly hôn thì quyền, nghĩa vụ của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn đã được quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn ông Ch đề nghị Tòa án giải quyết tài sản chung, nợ chung của vợ chồng ông theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung của ông sau khi Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do đó, căn cứ Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX không đặt ra xem xét đối với yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung của ông Ch. Bà D, ông Ch được quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng sau ly hôn theo quy định của pháp luật nếu có phát sinh tranh chấp.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 200, 246, 264, 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 53, 55, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của bà Lê Ngọc D và ông Nguyễn Văn Ch.

2. Về con chung:

Con chung Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 08/6/2000 đã thành niên, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Công nhận sự thỏa thuận của đương sự về người trực tiếp nuôi khi ly hôn: Bà Lê Ngọc D được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Lê Mỹ T, sinh ngày 27/02/2006.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn Ch cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Lê Mỹ T, sinh ngày 27/02/2006 mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi hợp pháp, chính đáng của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu phù hợp quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí:

Bà Lê Ngọc D phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0026215 ngày 12/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

Ông Nguyễn Văn Ch phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

5. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THA dân sự huyện Phú Giáo;
- UBND xã T, huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thị Chang